

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU TRIẾT LÝ CỦA NGHỀ THƯ VIỆN-THÔNG TIN¹

TS Lê Văn Viết

Tóm tắt: Tìm hiểu và làm rõ khái niệm “triết lý”. Phân tích một số nghiên cứu, quan điểm về triết lý thư viện để tìm ra điểm chung nhất trong triết lý về nghề thư viện-thông tin ở nước ta và trên thế giới trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Triết lý thư viện; nghề thư viện-thông tin.

Preliminary analysis on the philosophy of librarianship

Abstract: The article provides overview on the definition of “philosophy”. It then identifies some common characteristics among current researches and viewpoints in Vietnam and in the world on the philosophy of librarianship .

Keywords: Librarianship; philosophy; library - information occupation.

1. Khái niệm triết lý

Trong ngôn ngữ ở phương Tây, khái niệm triết lý và triết học được coi là một và ghi bằng một thuật ngữ, thí dụ “philosophy” trong tiếng Anh [14] hoặc “Философия”-tiếng Nga [22]. Tuy nhiên, ở nước ta, triết học và triết lý là hai phạm trù khác nhau. Triết học là phạm trù đã được mọi người công nhận: một trong những hình thái ý thức xã hội; là học thuyết về những nguyên tắc chung nhất của tồn tại, của nhận thức và của thái độ con người đối với thế giới; là khoa học về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy [3].

Nhưng đối với triết lý thì vấn đề phức tạp hơn nhiều. Có nhiều quan điểm khác nhau về ngữ nghĩa của thuật ngữ triết lý. Trong Từ điển Từ và ngữ Việt Nam của GS Nguyễn Lâm (2000), triết lý có một số

nghĩa: lý luận về triết học; bàn cãi suông [8]. Còn trong Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên (2010), định nghĩa về “triết lý” như sau:

- Lý luận triết học. Ví dụ: triết lý phương Đông; triết lý của Phật giáo;

- Quan niệm chung của con người về những vấn đề nhân sinh và xã hội. Ví dụ: triết lý sống;

- Thuyết lý về những vấn đề nhân sinh và xã hội (hàm ý chê). Ví dụ: tính thích triết Lý; hay triết lý cao xa. Đồng nghĩa: thuyết giáo, thuyết lý [13].

Như vậy, cả hai nguồn tham khảo rất có uy tín này đều khẳng định: triết lý, trước hết, là lý luận triết học. Thứ nữa mới là bàn cãi suông hay “quan điểm chung”, “thuyết lý” về những vấn đề nhân sinh và xã hội.

1 Bài viết được chỉnh lý, bổ sung từ tham luận cùng tên tại Hội thảo “Dịch vụ thông tin - thư viện trong xã hội hiện đại” của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội (tháng 11/2017).

Trong tác phẩm “Triết lý là gì?” [1964] của Karl Jaspers, một nhà tâm lý học và triết học nổi tiếng người Đức không đưa ra định nghĩa của mình về triết lý vì cho rằng: danh từ triết lý bao hàm một lãnh vực khá rộng rãi nên mới thấy nhiều nhận định mâu thuẫn nhau... những gì tìm tòi và chinh phục được ở địa hạt triết lý đều không có tính cách đích xác như khoa học và được mọi người biểu đồng tình. Chính vì thế, tồn tại nhiều “cố gắng định nghĩa triết lý nhưng không một định nghĩa nào thành công”. Và khi bàn về triết lý cuộc sống ông đưa ra kết luận: Tóm lại, không có một triết lý chung cho tất cả mọi người, “chỉ nhờ kinh nghiệm bản thân, mỗi con người mới nhận thức được đâu là bản chất triết lý ở đời” [7].

Định nghĩa của vi.wikibooks cho rằng “triết lý (cuộc đời)”: là những điều được rút ra bởi trải nghiệm, như một quan niệm nền tảng, cốt lõi trên cơ sở nhìn nhận điều gì là (nguồn cội tâm thể/giá trị tinh thần/sức mạnh ứng xử) được phát biểu ngắn gọn, súc tích - Như một tín điều, làm kim chỉ nam cho cách xử thế, hành động hay lối sống của một Cá nhân hay một Cộng đồng [11].

Như vậy, từ những quan niệm nêu trên ta có thể khẳng định rằng triết lý không đồng nghĩa với triết học, triết lý là những điều được rút ra từ trải nghiệm, như một quan niệm nền tảng, cốt lõi trên cơ sở nhìn nhận điều gì là quan trọng; là sự đúc kết một cách ngắn gọn, súc tích về nguồn gốc, bản chất, sứ mạng ... của sự vật, hiện tượng nào đó. Mặc dù triết lý là của riêng của mỗi người, cơ quan, tổ chức nhưng nếu nó có tính chất triết học, nghĩa là bao quát, chung cho nhiều người, nhiều tổ chức thì triết lý đó trở thành câu kinh điển.

2. Triết lý của một nghề

Để làm rõ thế nào là triết lý của một nghề, chúng tôi tìm hiểu quan niệm về triết lý giáo dục ở Việt Nam mà trong hơn

10 năm qua đã được bàn cãi nhiều nhưng cho đến nay vẫn chưa đưa ra kết luận cuối cùng. Có thể chia các quan điểm triết lý giáo dục ra làm hai dạng:

- Triết lý giáo dục có nội dung rộng với các đại diện là GS VS Phạm Minh Hạc [5], PGS TS Trần Quang Nhiếp [15], Nguyễn Chương Nhiếp, đến từ Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh [4]: Triết lý giáo dục là hệ thống những quan điểm chung nhất về bản chất và quy luật của giáo dục, cho rằng bản về triết lý giáo dục là bản về vấn đề lý luận và thực tiễn rộng lớn của khoa học giáo dục nói chung, là những lý lẽ, những quan điểm về mục tiêu, phương thức, nội dung, phương pháp hoạt động giáo dục trong xã hội.

- Triết lý giáo dục có nội dung hẹp. Những người theo quan điểm này cho rằng, triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay là: mục đích hay *mục tiêu tối hậu của giáo dục là gì? Để đạt mục tiêu ấy cần phải hành động theo phương châm nào? Và bằng phương pháp nào?* [4, 6].

Gần đây nhất, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam, trong khi phát biểu bổ sung sau phần giải trình của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại phiên chất vấn của đại biểu quốc hội chiều 16/11/2016 đã cho rằng: “*Triết lý giáo dục của Việt Nam trước hết là triết lý xây dựng đất nước dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đó là xây dựng con người Việt Nam toàn diện, đức trí, thể mỹ, có tinh thần dân tộc, có lòng yêu nước và có trách nhiệm quốc tế*” [10].

Như vậy, phần lớn những người theo quan niệm hẹp cho rằng triết lý giáo dục là nằm ở mục đích (mục tiêu) giáo dục của một nước. Mỗi thời kỳ có mục tiêu giáo dục khác nhau và do đó triết lý giáo dục cũng khác nhau.

Về cách thể hiện của triết lý giáo dục, GS Nguyễn Đình Chú (2011) đặt ra một

câu hỏi nhưng có ý khẳng định: Có phải triết học thì đòi hỏi có hệ thống lý thuyết, hệ thống khái niệm qui mô bề thế trong khi triết lý thì chỉ là một vài câu nói nào đó sâu sắc, có tầm khái quát và có ý nghĩa triết học? [1].

Từ xem xét triết lý giáo dục ở Việt Nam, có thể cho rằng, triết lý của một ngành hoạt động xã hội là những câu nói, nhận định, tư tưởng sâu sắc, có tầm khái quát và có ý nghĩa triết học nhưng cô đọng, dễ hiểu phản ánh mục đích cốt lõi hay vị trí chủ đạo... của ngành hoạt động đó trong một giai đoạn lịch sử nhất định.

3. Triết lý của nghề thư viện - thông tin²

Vấn đề xác định triết lý thư viện-thông tin cũng được tiến hành ở nhiều nước. Theo M. Ia. Dvorkina (1994), trong những năm 1930 ở Hoa Kỳ đã có những nghiên cứu về triết lý thư viện mà người đi đầu trong lĩnh vực này là A. P. Danton. Tuy nhiên, theo nhận xét của M. Ia. Dvorkina thì các quan điểm triết lý của các nhà khoa học Hoa Kỳ được xây dựng trên kinh nghiệm thực tiễn chứ không phải cứ liệu khoa học nên không vượt ra khỏi những khuôn mẫu của ý thức xã hội. Họ chưa thể phân biệt một cách rõ ràng triết lý thư viện với hệ tư tưởng nghề nghiệp [23].

Những năm gần đây đã xuất hiện những nghiên cứu tiếp theo đi tìm triết lý nghề thư viện ở Hoa Kỳ. Theo bài viết của Ban Biên tập tạp chí *Lead Pipe*, vào tháng 8 năm 2012 Emily Ford đã công bố bài báo “What do we do and why do we do it”, trong đó đề nghị cộng đồng thư viện cần đưa ra một triết lý chung và thống nhất về

nghề thư viện (librarianship”, mặc dù tác giả cũng biết rằng sẽ khó có được một triết lý thư viện thống nhất vì nghề thư viện quá rộng lớn mà chúng ta không nắm bắt được tầm mức ảnh hưởng của thư viện lên cộng đồng. Hưởng ứng đề nghị của tác giả, ban biên tập tạp chí đã tổ chức một buổi tự trả lời của các thành viên về các câu hỏi nêu ra trong bài báo của Emily Ford. Có người cho rằng triết lý thư viện ở tự do thông tin, người khác lại nói đến “Các giá trị cốt lõi của nghề thư viện” được ALA thông qua vào năm 2004, là một định nghĩa hợp lý và toàn diện về các mục tiêu của nghề thư viện: Truy cập; Bảo mật/riêng tư; Dân chủ; Đa dạng; Giáo dục và Học tập suốt đời; Tự do Trí tuệ; Sự bảo tồn; Công cộng tốt; Tính chuyên nghiệp; Dịch vụ; Trách nhiệm xã hội và nhiều ý kiến khác nữa. Nhưng rất tiếc ban biên tập tạp chí này không có tổng kết để đưa ra triết lý chung về nghề thư viện của Tạp chí. Có lẽ là khó nên mới có nhan đề bài báo: Editorial: Our Philosophies of Librarianship - Ban Biên tập: Những triết lý của chúng tôi về nghề thư viện [19]. Như thế, ở Hoa Kỳ cho đến nay chưa có một triết lý chung, thống nhất về nghề thư viện. Nói như vậy, không có nghĩa là ở đây họ không có các triết lý về nghề thư viện hay từng thư viện. Tại Hoa Kỳ, ít nhất cũng có một tạp chí (trực tuyến) mang tên Library Philosophy³ and Practice (e-journal) của các thư viện thuộc trường Đại học Nebraska - Lincoln... Mặc dù, tôn chỉ, mục đích của Tạp chí là xuất bản các bài báo khám phá mối liên hệ giữa thực tiễn thư viện với triết học và lý thuyết đằng sau nó nhưng trong số hàng trăm bài báo được xuất bản hàng năm, rất ít bài báo có nhan đề trực tiếp “philosophy” [21]....

2 Tác giả thấy gọi hoạt động thư viện - thông tin đúng hơn là gọi thông tin - thư viện. Lý do được trình bày trong: Lê Văn Việt. Lại làm bàn về một số thuật ngữ ngành thư viện - thông tin//Lê Văn Việt. Thư viện học: những bài viết chọn lọc. - H.: Văn hóa thông tin, 2006. - Tr. 159 - 171.

3 Philosophy có 2 nghĩa: triết học và triết lý. Ở đây, tác giả bài viết dịch là triết lý cho phù hợp với tên bài báo.

Nhiều thư viện có triết lý riêng của mình. Có thư viện dưới tiêu đề Triết lý thư viện lại công bố giờ giấc làm việc, có thư viện lại giới thiệu vốn tài liệu của mình, có thư viện lại đưa ra hẳn một bản tuyên bố về phục vụ người dùng [20]. Như vậy, ở Hoa Kỳ do chưa có một triết lý thư viện chung, thống nhất nên mỗi thư viện thường có triết lý riêng theo quan niệm của mình.

Ở nước Nga, trong những năm gần đây cũng rất quan tâm đến vấn đề triết học (chứ không phải triết lý) thư viện. Có nhiều định nghĩa khác nhau về khái niệm này, trong đó đáng chú ý nhất là của S.A. Porosin (1994): “Triết học của hoạt động thư viện là khoa học về những vấn đề lý luận thế giới quan chung nhất của thư viện [25, tr. 124]. Theo M. Ia. Dvorkina (1994), phân tích quan điểm của các nhà thư viện Nga thì thấy phần lớn trong số họ coi việc tìm hiểu công dụng xã hội (sứ mạng xã hội), vai trò của thư viện như là thiết chế xã hội, là vấn đề lý luận quan trọng của triết học thư viện trong giai đoạn hiện nay. Còn triết lý của hoạt động thư viện của nước Nga trước cách mạng tháng Mười năm 1917 là triết học khai sáng (giáo dục - tg). Trong thời kỳ Xô viết vấn đề triết học thư viện nằm trong môn thư viện học đại cương vì khi đã có nền triết học Mác – Lenin thì không thể nói về triết học thư viện [23, tr. 52 - 53]. Theo X. V. Petrova (1993), M. Ia. Dvorkina có nhận định rằng, triết lý mới của công tác thư viện là triết lý của phổ cập thông tin tới tất cả mọi người. Chính triết lý này đã được phản ánh trong hàng loạt chương trình của IFLA và cũng không trái với triết lý khai sáng trước kia mà trái lại còn là sự phát triển của triết lý đó trong điều kiện mới [24, tr. 136]. Như vậy, ở Nga, các nhà thư viện học quan tâm nhiều hơn tới triết học thư viện. Tuy nhiên, trong các nghiên cứu của họ đã xuất hiện tiền đề để tạo nên triết lý thư viện: quan điểm về phổ cập thông tin của M. Ia. Dvorkina.

Ở Việt Nam, triết lý thư viện chưa được đề cập nhiều. Tiêu biểu là bài: “Triết lý cho sự phát triển thư viện hiện nay” của TS Phạm Hồng Toàn [13]. Tuy nhiên, trong bài viết này, tác giả không đưa ra định nghĩa về triết lý thư viện nhưng đã nêu ra được 2 triết lý thư viện của nước ta từ xa xưa tới nay:

- Triết lý thứ nhất, theo ý của tác giả, liên quan đến chế độ phong kiến ở nước ta. Thời kỳ này, các thư viện Việt Nam đã coi tàng trữ là chức năng chính. Vì vậy, mọi hoạt động của thư viện đều xoay quanh làm thế nào để thu thập được nhiều thư tịch, để bảo quản thư tịch được bền lâu. Triết lý cho sự phát triển thư viện lúc bấy giờ cũng xoay quanh vấn đề tàng trữ thư tịch, vì vậy triều đình có rất nhiều hình thức để làm tăng nhanh số lượng và tuổi thọ của kho sách vở nhưng lại ít biện pháp kích thích việc đọc.

- Triết lý thứ hai, liên quan đến thời kỳ từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Theo TS Phạm Hồng Toàn thì triết lý của thư viện giai đoạn này là phấn đấu làm cho việc đọc sách trở thành thói quen không thể thiếu được của mỗi người dân. Triết lý này bắt nguồn từ vị trí quan trọng của cuộc cách mạng văn hóa và cách mạng khoa học kỹ thuật.

- Giai đoạn từ nay về sau, trong hoàn cảnh việc đọc có phần giảm sút, các văn bản quy phạm pháp luật về thư viện đã thông qua còn có những bất cập, các văn bản mới chưa được xây dựng tốt nên bắt buộc TS Phạm Hồng Toàn phải đặt ra câu hỏi: Vậy trong giai đoạn trước mắt, cần phải tính đến triết lý phát triển thư viện như thế nào? Nhưng tiếc rằng tác giả cũng chưa đưa ra những đề xuất của mình về triết lý thư viện Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

Trong khi chưa có triết lý thư viện chung của cả nước, một số thư viện riêng lẻ cũng đã đưa ra triết lý của mình. Ví dụ, Thư viện Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh, trong bài giới thiệu về mình đã

đưa ra triết lý hoạt động như sau: Thư viện là điểm giao thoa, hội tụ những tinh hoa khoa học và công nghệ phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của nhà trường. Cùng với nhà trường, Thư viện cam kết không ngừng sáng tạo để gia tăng giá trị học thuật của mọi thành phần trong nhà trường thông qua hoạt động hỗ trợ và triển khai ứng dụng kiến thức của mình, thúc đẩy một môi trường thuận lợi cho nhu cầu học tập, giao tiếp học thuật, vận động sáng tạo, và học tập suốt đời [12].

Tóm lại, cho đến nay, có nhiều triết lý thư viện nhưng chưa có triết lý chung thống nhất cho mỗi nước chứ chưa nói đến cho cả thế giới. Trên thực tế có thể có triết lý như vậy không? Tác giả bài báo nghĩ là có. Trên thế giới, từ lâu đã xuất hiện những câu nói, dòng chữ nói lên vị trí, vai trò của thư viện trong xã hội. Chẳng hạn, tại I Rắc cổ đại, một trong hai tòa nhà rộng lớn và lộng lẫy của Thư viện của vua Assurbanipal (trị vì từ năm 668 - năm 626 TCN) ở Nineveh được gắn cho tên gọi “Ngôi nhà của những giáo huấn và khuyên nhủ” [26]. Đây chính là triết lý về chức năng khai sáng của thư viện. Sau đó gần 10 thế kỷ, tại Trung Đông ngày nay xuất hiện một dạng thư viện được gọi là “Ngôi nhà của sự thông thái” - biểu hiện của triết lý thư viện là một tổ chức khoa học. Một trong những thư viện đầu tiên theo mô hình ngôi nhà của sự thông thái được hình thành vào thế kỷ VII. Đó là thư viện tại thành phố Damas, thành phố được coi là trung tâm khoa học của thế giới Hồi giáo thời kỳ này. Sở dĩ được gọi như vậy là do các thư viện này có số lượng tài liệu lớn, phong phú, được nhiều nhà khoa học đến làm việc hoặc sử dụng. Các bản sao chép trong kho sách của thư viện được chở về từ nhiều nơi trên thế giới. Một phần lớn là tài liệu về kinh Coran. Trong thư viện còn có bộ sưu tập lớn các bản thảo về thuật luyện đan, y học, thiên văn học, lịch sử, triết học, văn học [26].

Vào thời Phục Hưng, những người theo chủ nghĩa nhân văn rất coi trọng sách và thư viện. Nhà khoa học, nhà giáo dục, nhà nhân văn học Paolo Vergerio (1370 - 1444) của Italy đã đưa ra quan điểm: “Sách vở cần thiết cho việc lưu giữ những ký ức về quá khứ. Sách là kho tri thức tổng hợp. Chúng ta phải quan tâm tới việc thu thập chúng từ các thế hệ đi trước và chuyển giao cho các thế hệ mai sau một cách đầy đủ và nguyên vẹn” [26]. Triết lý này có thể là cơ sở để Hoàng đế Pháp Franxoa I vào năm 1537 đã đưa ra quy định về nộp lưu chiểu ấn phẩm cho Thư viện Hoàng gia nhằm mục đích lưu giữ lâu dài. Thực tiễn này đã được áp dụng sau đó trên khắp thế giới. Đồng thời, đây cũng có thể là cơ sở lý luận cho thực tiễn chú trọng trước hết đến bảo quản đầy đủ tài liệu trong các thư viện châu Âu những thế kỷ tiếp theo.

Cuộc Đại Cách mạng tư sản Pháp (1789-1799) đã tạo ra một triết lý mới cho hoạt động thư viện của nước Pháp và sau này phổ biến trên khắp thế giới. Một trong những người lãnh đạo cuộc cách mạng, sau này là Đại biểu của Quốc hội lập hiến và Hội nghị Quốc ước, Henri Grégoire (1750-1831) đã đưa ra quan điểm: phải mở cánh cửa thư viện cho tất cả những người mong muốn được tiếp cận với kho tàng sách phong phú. Ông gọi những thư viện công cộng là “những phân xưởng của tri thức nhân loại” [26]. Ý tưởng này đã được áp dụng ở Pháp và sau này áp dụng ra nhiều nước trên thế giới. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động thư viện của Chính phủ Pháp sau Cách mạng Tư sản đã được nghiên cứu áp dụng tại Liên Xô trước kia. Còn ý tưởng trên của Henri Grégoire được lấy làm nền tảng để sau này xây dựng khái niệm về tính công cộng (phổ cập) của thư viện và trong một số văn bản của UNESCO.

Đi theo mạch này, nghĩa là mở rộng cửa thư viện phục vụ người dân, giai đoạn sau

còn có hai quan điểm triết lý đáng chú ý. Một là, ý tưởng của Melvil Dewey (1851 - 1931), nhà thư viện học Hoa Kỳ “Các sách tốt nhất cho nhiều người nhất với chi phí ít nhất” có thể coi là triết lý của thư viện. Thứ hai là, câu nói của V.I.Lênin (1914): “Niềm hãnh diện và tự hào của thư viện công cộng không phải ở chỗ nó có bao cuốn sách quý, có bao nhiêu bộ sách xuất bản hồi thế kỷ XVI hay có bao nhiêu tác phẩm viết tay từ hồi thế kỷ X mà là ở chỗ sách được chuyển đọc trong nhân dân rộng rãi đến mức nào, đã thu hút được bao nhiêu bạn đọc mới ... Làm cho các thư viện lớn phổ cập không phải đối với một nhóm nhỏ các nhà bác học, các giáo sư, các nhà chuyên môn khác nhau mà là cho quần chúng, đám đông, cho đường phố” [9].

Trở lại với nhận định về ý tưởng của Henri Grégoire có thể đã được sử dụng vào một số văn bản của UNESCO mà cụ thể là các tuyên ngôn của UNESCO về thư viện công cộng (TVCC). Từ trước đến nay, UNESCO đã cho ra đời 3 bản tuyên ngôn về thư viện công cộng (1949; 1972 và 1994). Các bản Tuyên ngôn sau thường kế thừa và phát triển bản tuyên ngôn trước. Trong bản Tuyên ngôn năm 1972 có đoạn viết: “Để thực hiện các nhiệm vụ mà xã hội giao phó cho TVCC thì các cánh cửa của chúng phải mở rộng cho tất cả mọi người không phân biệt dân tộc, màu da, tuổi tác, giới tính, niềm tin tôn giáo, xuất thân về mặt xã hội và trình độ học vấn” [17].

Còn trong Tuyên ngôn TVCC năm 1994, UNESCO lại tuyên bố rằng: “Việc phục vụ trong TVCC theo nguyên tắc tiếp cận bình đẳng được dành cho tất cả mọi người không phân biệt tuổi tác, chủng tộc, giới tính, tôn giáo, quốc tịch, ngôn ngữ và địa vị xã hội” [18].

Như vậy có thể nói rằng từ nhiều thế kỷ nay, thế giới đã đi theo triết lý mở cửa

thư viện cho mọi người dân sử dụng. Mỗi người, tổ chức có cách trình bày triết lý đó khác nhau. Ngay cả UNESCO ở 2 thời kỳ khác nhau cũng có cách điều chỉnh cho phù hợp với tình hình.

Từ những gì trình bày ở trên, tác giả cho rằng triết lý nghề thư viện - thông tin của nước ta và thế giới trong giai đoạn hiện nay nên là: *cung cấp sự tiếp cận bình đẳng tới thông tin/tài liệu cho tất cả mọi người không phân biệt tuổi tác, chủng tộc, giới tính, chính kiến, niềm tin tôn giáo, quốc tịch, ngôn ngữ và địa vị xã hội*.

Tất nhiên, hiện nay có những nước có cuộc vận động tiếp cận tự do đến thông tin nhưng tác giả không muốn sử dụng thuật ngữ này vì thực tế có những thông tin không thể nào tiếp cận được hoặc nếu tiếp cận trái phép có thể bị truy cứu hình sự.

Tuy nhiên, để có thể tiếp cận bình đẳng tới thông tin, cần rất nhiều điều kiện, yếu tố, như yếu tố về pháp lý (đặc biệt về quyền tác giả); cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật, vốn tài liệu/nguồn lực thông tin, các dịch vụ tiên tiến, hiện đại hướng tới người sử dụng; trình độ nhân lực thư viện, người dùng,....

Đây chỉ là ý kiến cá nhân ban đầu về một vấn đề lớn, chưa được khai phá nhiều của ngành thư viện nước ta nên chắc chắn còn nhiều điểm chưa hoàn thiện. Tác giả mong nhận được đóng góp của các đồng nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đình Chú (2011). Tản mạn đôi điều trên đường đi tìm triết lý cho nền giáo dục nước nhà/ Nguyễn Đình Chú . - H.: 2011 // Tạp chí Khoa học giáo dục Số 73 tr.: 5-8, 31.
2. Giáp Văn Dương (2016). Gọi tên triết lý giáo dục. Truy cập 15/6/2016 tại //bv.u.edu.ViệtNam/web/phong-hanhchinh/tong-quan/asset_publisher/1k77QYwtV2PO/content/goi-ten-triet-ly-giao-duc.
3. Đại học Khoa học Huế . Bộ môn Triết học. Hướng dẫn ôn tập triết học Mác - Lênin:

- tài liệu lưu hành nội bộ. - Huế, ĐH Khoa học Huế, 1998. Truy cập ngày 15/6/2017 tại: http://www.husc.edu.VietNam/khoallct/downloads.php?cat_id=52&download_id=217
4. Hương Giang. Việt Nam vẫn đang đi tìm triết lý giáo dục? *vietnamnet.Việt Nam/.../giao-duc/viet-nam-van-dang-di-tim-triet-ly-giao-duc-361*.
 5. Phạm Minh Hạc. Triết lý giáo dục thời kỳ đổi mới. Truy cập ngày 22/6/2017 tại. Truy cập ngày 22/6/2017 tại <http://www.tapchicongsan.org.VietNam/Home/Nghiencuu-Traodoi/2012/14229/Triet-ly-giao-duc-thoi-ky-doi-moi.aspx>
 6. Chu Hào. Việt Nam đang đi theo triết lý giáo dục nào? *www.vusta.Việt Nam/vi/news/Trao-doi-Thao-luan/Viet-Nam-dang-di-theo-triet-ly-giao-duc-nao-26134.html*
 7. Jaspers, Karl. “Triết lý là gì?”, trong *Triết học nhập môn*. Lê Tôn Nghiêm dịch. Bộ Giáo dục và Thanh niên - Trung tâm học liệu xuất bản, 1969, tr. 30-36. Truy cập ngày 23/6/2017 tại: http://triethoc.edu.VietNam/vi/chuyen-de-triet-hoc/nhap-mon-triet-hoc/triet-ly-la-gi_563.html
 8. Nguyễn Lân (2000). Từ điển từ và ngữ Việt Nam. – Tp. HCM, Nxb Tp HCM, 2000.
 9. Lênin, V. I. Có thể làm gì cho nền giáo dục quốc dân// Lênin toàn tập. – H., Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 1996. - T.23. - Tr.439 - 440.
 10. Thùy Linh (2016). Triết lý giáo dục Việt Nam qua phân tích của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam. Truy cập ngày 25/6/2017 tại <http://giaoduc.net.VietNam/Giao-duc-24h/Triet-ly-giao-duc-Viet-Nam-qua-phan-tich-cua-Pho-Thu-tuong-Vu-Duc-Dam-post172529.giao-duc>.
 11. Thể loại: Triết lý cuộc sống - Wikibooks tiếng Việt. truy cập ngày 20/6/2017 tại https://vi.wikibooks.org/wiki/Thể_loại:_Triết_lý_cuộc_sống
 12. Thư viện Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Tp Hồ Chí Minh. Giới thiệu. Truy cập ngày 27/6/2017 tại <http://lib.hcmute.edu.VietNam/ArticleId/dddcfc05-88a3-4bd0-a661-b2127418a357/dinh-huong-phat-trien-thu-vien>
 13. Phạm Hồng Toàn (2013). Triết lý cho sự phát triển thư viện hiện nay// Tạp chí Thư viện Việt Nam. - 2013. - Số 3. - Tr. 39-42
 14. Từ điển Anh-Việt/Viện Ngôn ngữ học. – H.: Nxb KHXH, 2009
 15. Từ điển tiếng Việt/ Hoàng Phê (chủ biên)...2010. – Tr. 1327.
 16. Về triết lý giáo dục Việt Nam//Tạp chí Cộng sản (26/09/2007)
 17. Lê Văn Viết (1998). Một vài nét về thư viện công cộng trên thế giới: chuyên đề soạn cho Khoa Sau đại học. - H.: ĐHVHHN, 1998. – 72 tr (in vi tính).
 18. UNESCO. Tuyên ngôn năm 1994 của UNESCO về thư viện công cộng/UNESCO; Lê Văn Viết dịch// Về công tác thư viện: các văn bản pháp quy hiện hành về thư viện. - H. : Vụ Thư viện, 2008. - Tr.283 - 287.
 19. Editorial: Our Philosophies of Librarianship. Truy cập ngày 25/6/2017 tại www.inthelibrarywiththeleadpipe.org/.../editorial-our-philosophies-of-l..
 20. *Library Philosophy - Alice Baker Library*. Truy cập ngày 24/6/2017 tại www.alicebaker.lib.wi.us/?page_id=1703
 21. Library Philosophy and Practice (e-journal) | Libraries at University of ... Truy cập ngày 25/6/2017 tại digitalcommons.unl.edu/libphilprac
 22. Аликанов, К. М, Мальханова, И. А. (2007). Từ điển Nga – Việt mới = Новый русско - вьетнамский Словарь. – H.: Nxb Thế giới, 2007
 23. Дворкина, М. Я. (1994) Философия библиотечной деятельности // Библиотекосведение. – 1994. - N.2. – Стр. 51 – 53..
 24. Петрова, С.В (1993). На пути к переменам// Библиотекосведение. – 1993. - N.5 – 6. – Стр. 136..
 25. Порошин, С. А. (1994). Философия библиотеки: постановка вопроса // Библиотекосведение. – 1994. - N.5. – Стр. 124..
 26. Талалакина, О. И.(1982) История библиотечного дела за рубежом. М.: Книга, 1982
- (Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-12-2017; Ngày phân biên đánh giá: 5-3-2018; Ngày chấp nhận đăng: 15-6-2018).